

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS- ST
Ngày: 22- 02- 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Quang
2. Ông Nguyễn Tuấn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2021/TLST- HS ngày 31 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng V- sinh ngày 10 tháng 8 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr sinh năm 1962 và bà Đồng Thị Ch1 sinh năm 1963; có vợ là Lều Thị Th sinh năm 1992 và 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2021 đến ngày 30/12/2021, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại H

Địa chỉ: Cụm công nghiệp đa nghề S, phường ĐB, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Anh Trần Văn C- sinh năm 1982- Giám đốc Công ty

Trú tại: Khu ĐH, phường CK, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

* Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Th1- sinh năm 1964

Trú tại: Khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

- Chị Lều Thị Th- sinh năm 1992

Trú tại: Khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc Ch- sinh năm 1979

Trú tại: Khu TP, phường VN, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018, Nguyễn Hoàng V sinh năm 1987, ở khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nhận thi công xây dựng Trường Tiểu học thị trấn X tại thị trấn X, huyện CM, thành phố Hà Nội. Ngày 30/3/2018, V ký Hợp đồng thuê giàn giáo, coppha số 300318/HĐCT/HP- NHV với Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại H (sau đây gọi tắt là Công ty H), địa chỉ ở phường ĐB, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bắc Ninh, do anh Trần Văn C sinh năm 1982 là Giám đốc. Ngày 23/4/2018, V tiếp tục ký Hợp đồng số 230418/HĐCT/HP- NHV với Công ty H, thuê thêm giàn giáo, coppha. Quá trình thi công, V làm mất số giàn giáo, coppha đã thuê của Công ty H. Ngày 03/11/2018, V và đại diện Công ty H là anh Trần Văn C lập biên bản đối chiếu, chốt công nợ với nhau. Hai bên thống nhất: V phải bồi thường cho Công ty H số tiền tương đương trị giá giàn giáo, coppha V thuê của Công ty là 1.379.634.536đ (*Một tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*). Do V đã trả cho Công ty một phần coppha và giàn giáo, nên anh C và V thỏa thuận tính trị giá số coppha và giàn giáo mà V đã trả cho Công ty là: 279.634.536đ (*Hai trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*). Hai bên chốt số tiền V có trách nhiệm phải bồi thường cho Công ty H là: 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*). Sau đó, anh C nhiều lần yêu cầu V trả tiền nhưng V không trả được. Ngày 10/6/2019, anh Trần Văn C cùng anh Nguyễn Ngọc Ch sinh năm 1979 là nhân viên của Công ty H đến nhà V ở xã M, huyện Đ. Tại đây, V viết 01 giấy nhận nợ, nội dung V có nợ tiền đền bù coppha, giàn giáo của anh C là 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), hẹn ngày 11/6/2019 V sẽ trả cho anh C 50.000.000đ, số tiền còn lại 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*), sẽ giải quyết bằng một trong 3 thửa đất số 98, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xã HV, huyện CM, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC217xxx, chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1964 (mẹ vợ V) ở khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau đó, V đã trả cho Công ty H 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), anh C là người nhận tiền, còn nợ 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*). Thời gian sau đó, anh C nhiều lần đòi nợ nhưng V không trả được. Khoảng đầu tháng 9/2019, V nảy sinh ý định thuê người làm làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để tạo lòng tin cho anh C, nhằm

kéo dài thời gian trả nợ. V sử dụng điện thoại di động, cài sim số 0966202187 của V truy cập mạng Internet, tìm địa chỉ, liên hệ với 01 người (V không nhớ số điện thoại, không biết tên tuổi, địa chỉ của người này), cung cấp các thông tin thuê làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Khoảng giữa tháng 9/2019, V nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tại Viettel Post Đ. Đến ngày 11/10/2019, V gọi điện thoại hẹn gặp anh C tại quán cà phê “Q” thuộc khu TT, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Anh C đi cùng anh Nguyễn Ngọc Ch. Tại đây, V đưa cho anh C 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi số BC 217xxx, chủ sử dụng đất là Lều Thị Th sinh năm 1992, có địa chỉ thường trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, thửa đất số 98, tờ bản đồ số 23, diện tích đất 120m² tại xã HV, huyện CM, thành phố Hà Nội, do UBND huyện CM, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/8/2019. V còn đưa cho anh C 01 Giấy ủy quyền, nội dung: Chị Lều Thị Th, sinh năm 1992, ở khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, ủy quyền cho V được thực hiện giao dịch pháp lý liên quan đến thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (chị Th là vợ V). Giấy ủy quyền này do V soạn thảo sẵn, đưa cho chị Th ký, sau đó được ông Nguyễn Ngọc A, phó chủ tịch UBND xã M, huyện Đ ký xác nhận, đóng dấu. V và anh C thỏa thuận: anh C giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, sau 160 ngày, nếu V không trả 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) cho Công ty H thì anh C là người đại diện cho Công ty được quyền rao bán thửa đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trừ nợ. Nội dung thỏa thuận này được anh Nguyễn Ngọc Ch viết thành 01 bản cam kết, V và anh C là đại diện Công ty H cùng ký. V cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 01 phong bì dán kín, ký niêm phong và giao cho anh C giữ. Hết thời hạn 160 ngày, V vẫn không trả được tiền nợ cho Công ty H. Ngày 11/9/2020, anh C đến Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh huyện CM, thành phố Hà Nội để xác minh thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC217xxx do V đưa ngày 11/10/2019, được Văn phòng trả lời Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không phải do UBND huyện CM, thành phố Hà Nội cấp. Vì vậy, anh Trần Văn C đã đến Công an huyện CM, thành phố Hà Nội tố giác Nguyễn Hoàng V về hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 17/12/2020, Cơ quan CSĐT- Công an huyện CM, thành phố Hà Nội chuyển tố giác, tin báo tội phạm kèm hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để giải quyết.

Ngày 25/12/2020, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ, tỉnh Phú Thọ có Công văn chuyển tố giác tội phạm của anh C và hồ sơ vụ việc nêu trên đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện CM, thành phố Hà Nội, đề nghị chuyển đến Cơ quan điều tra cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết.

Ngày 18/01/2021, Cơ quan CSĐT- Công an huyện CM, thành phố Hà Nội chuyển tố giác, tin báo về tội phạm của anh Trần Văn C đến Văn phòng Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ.

Ngày 10/02/2021, Văn phòng Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ (PC01) có Phiếu chuyển đơn, chuyển tố giác của anh Trần Văn C đến Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp

luật.

Ngày 26/02/2021, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ (PC02) chuyển tố giác của anh Trần Văn C cho Cơ quan CSĐT- Công an huyện CM, thành phố Hà Nội. Ngày 16/3/2021 Cơ quan CSĐT- Công an huyện CM, thành phố Hà Nội có công văn chuyển lại đơn tố giác cùng toàn bộ tài liệu liên quan, đề nghị Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ tiếp nhận, thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật, với lý do: Tố giác của anh Trần Văn C về tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 31/3/2021, Văn phòng Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ có công văn, chuyển Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ thụ lý, giải quyết đối với tố giác của anh Trần Văn C, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ:

“+ Chuyển tố giác của anh C đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ để tách ra giải quyết liên quan đến nội dung có dấu hiệu của tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

+ Đối với tố giác có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và có dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản thì hướng dẫn người tố giác là anh C và anh V gửi đơn đến Cơ quan CSĐT Công an huyện CM- TP. Hà Nội để được tiếp nhận, giải quyết”.

Ngày 05/4/2021, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ tiếp nhận tố giác về tội phạm sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức do Phòng PC01- Công an tỉnh Phú Thọ chuyển đến và tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã tiến hành xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CM, thành phố Hà Nội, xác định: UBND huyện CM, thành phố Hà Nội không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 217xxx, thửa đất số 98, tờ bản đồ số 23 tại xã HV, huyện CM, Thành phố Hà Nội cho chị Lều Thị Th, sinh năm 1992 ở khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Phú Thọ giám định “Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số BC 217xxx; cấp cho chị Lều Thị Th, sinh năm 1992, ở xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi cấp: UBND huyện CM, thành phố Hà Nội.

Tại Bản kết luận Giám định số 587/KLGĐ - 2021 ngày 15/5/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số sêri: BC 217xxx, hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “Ủy ban nhân dân huyện CM TP. Hà Nội” và chữ ký đứng tên Nguyễn Minh N dưới mục “KT. CHỦ TỊCH - PHÓ CHỦ TỊCH” trên Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri: BC 217xxx là giả.

Ngày 30/7/2021, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Hoàng V về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự và tiến hành điều tra làm rõ nội dung vụ án như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, anh Trần Văn C còn khai ngày 04/5/2019, tại trụ sở Công ty H thuộc phường ĐB, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Hoàng V còn đưa cho anh C xem 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi số BC 217xxx do UBND huyện CM, thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1964, ở khu 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (bà Th1 là mẹ vợ V). Anh C đã dùng điện thoại di động chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó. Làm việc với Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ, anh C đã giao nộp bản chụp Giấy chứng nhận này được anh C in ra từ điện thoại. Anh C không có bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Th1.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hoàng V thừa nhận có nói với anh C về việc bà Nguyễn Thị Th1 hứa cho vợ chồng V đất và trong giấy nhận nợ ngày 10/6/2019, V có ghi số tiền còn nợ sẽ giải quyết bằng 01 trong 03 thửa đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Xã HV, huyện CM, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 217xxx, chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Th1 ở khu 6, xã M. Sau đó, V đã đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chị Lều Thị Th. V không làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Th1, V cũng không đưa cho anh C xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào của bà Thanh.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT- VKSDH ngày 29/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Nguyễn Hoàng V về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

* Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Hoàng V và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng V phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt Nguyễn Hoàng V từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng V khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Hoàng V nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị

cáo có cơ hội sửa sai, được cải tạo tại địa phương để có điều kiện lao động, trả nợ cho Công ty H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng V khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai của Nguyễn Hoàng V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Hoàng V có ký kết hợp đồng thuê giàn giáo, cốppha của Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại H do anh Trần Văn C là giám đốc đại diện. Sau đó, V chỉ trả lại cho Công ty một phần tài sản, nên hai bên thống nhất chốt nợ. Ngày 10/6/2019, V viết giấy nhận nợ Công ty H số tiền 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Do chưa có tiền để trả nợ, V đã nảy sinh ý định thuê người làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho anh Trần Văn C, mục đích làm anh C tin tưởng, đồng ý cho V kéo dài thời hạn trả nợ. Thực hiện ý định đó, vào khoảng đầu tháng 9/2019, tại nhà ở của mình ở khu 6, xã M, huyện Đ, Nguyễn Hoàng V đã truy cập mạng Internet, thuê 01 người không quen biết làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ghi số BC 217xxx, thửa đất số 98, tờ bản đồ số 23, diện tích đất 120m² tại xã HV, huyện CM, thành phố Hà Nội, chủ sử dụng là Lều Thị Th, sinh năm 1992, cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (chị Th là vợ V). Các thông tin ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên là do V cung cấp. Ngày 11/10/2019, tại quán cà phê “Q” thuộc khu TT, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, V đã giao cho anh C giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên, hẹn trong thời hạn 160 ngày sẽ trả hết nợ cho Công ty; nếu hết thời hạn đó mà V không trả nợ, anh C có quyền rao bán thửa đất. Ngày hôm đó, anh Nguyễn Ngọc Ch sinh năm 1979, là nhân viên Công ty H đi cùng anh C đến gặp V. Anh Ch đã viết Bản cam kết thể hiện nội dung V cam kết để anh C và V cùng ký. Quá thời hạn thỏa thuận, V không trả nợ, anh C đến Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh huyện CM nhờ kiểm tra thông tin thì phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V đưa là giả.

[3]. Hành vi nêu trên của Nguyễn Hoàng V đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào làm giả con dấu, tài

liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”.

[4]. Anh Trần Văn C còn khai, được Nguyễn Hoàng V đưa cho xem 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Th1, tuy nhiên qua đối chất V không thừa nhận. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra, kết luận Nguyễn Hoàng V 02 lần sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

[5]. Hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng V đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín cũng như hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, tiếp tay cho các đối tượng làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an xã hội, gây lo lắng, bất bình trong nhân dân. Vì vậy cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6]. Nguyễn Hoàng V có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố đẻ của bị cáo là thương binh. Vì vậy, Nguyễn Hoàng V được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của Nguyễn Hoàng V, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo 12 tháng tù, cho hưởng án treo là phù hợp.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét Nguyễn Hoàng V hiện không có tài sản và còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho Công ty H, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Nguyễn Hoàng V khai đã truy cập mạng Internet để thuê 01 người không quen biết làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Do V không nhớ số điện thoại, không biết tên tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không truy tìm được để xử lý.

[10]. Về vật chứng: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 217xxx đã được đánh số bút lục, lưu trong hồ sơ vụ án, nên không phải xử lý.

[11]. Chị Lều Thị Th là vợ của bị cáo Nguyễn Hoàng V. Khi ký vào Giấy ủy quyền mà V đưa, do tin tưởng V nên chị Th không đọc nội dung. V không bàn bạc với chị Th về việc thuê làm và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Chị Th không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của V. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Th là phù hợp.

[12]. Ông Nguyễn Ngọc A là Phó chủ tịch UBND xã M, huyện Đ, đã ký xác nhận vào Giấy ủy quyền của chị Lều Thị Th trong khi chị Th không có mặt là không đúng quy định. Tuy nhiên, ông A không có động cơ vụ lợi hay mục đích gì khác. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông An là phù hợp.

[13]. Về khoản nợ giữa bị cáo Nguyễn Hoàng V với Công ty H: Trong giai đoạn điều tra vụ án này, Nguyễn Hoàng V và đại diện Công ty đã thỏa thuận: Vào ngày 28 các tháng chẵn, V sẽ tiếp tục trả nợ cho Công ty, mỗi lần 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), cho đến khi trả xong nợ. Đây là một quan hệ dân sự, hai bên không yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết, trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét.

[14]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng V bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng V phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Xử phạt Nguyễn Hoàng V 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Hoàng V cho UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa